TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:53/2019/HN- ST
Ngày 12/7/2019
"V/v ly hôn, chia tài sản chung , Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhàn

2. Ông Ngô Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn, chia tài sản chung, tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 194/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Hồng C**, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3.2 **Ủy an nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Út – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn Nung – Chuyên viên văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2018, bản khai, biên bản hòa giải cũng như đơn rút yêu cầu khởi kiện chị Đặng Hồng C trình bày:

Chị và anh Phạm Văn N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 25/11/2011, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân lúc đầu có hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Phạm Nhứt M, sinh ngày 21/11/2011. Từ Năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và đã ly thân 01 năm nay nên chị yêu cầu xin được ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu chia nhà và đất thuộc thửa 3368, tờ 3 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, thời gian gần đây anh N đã khắc phục nên chị rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Th buộc vợ chồng chị trả lại nhà và đất thửa 3368 tờ bản đồ 3 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre chị không đồng ý vì phần đất và căn nhà này chị Phạm Thị Th đã cho vợ chồng chị.

Tại bản khai bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, con chung, anh đồng ý như chị C trình bày. Anh cho rằng vợ chồng sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn. Về căn nhà và đất thuộc thửa 3368, tờ 3 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là căn nhà của chị anh là bà Phạm Thị Th cho vợ chồng ở nhờ nhưng anh lén đi làm sổ đỏ để đứng tên 02 vợ chồng. Nay bà Th đã phát hiện và đòi lại nhà và đất anh đồng ý trả lại cho chị anh là bà Phạm Thị Th.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 30/7/2018 biên bản lấy lời khai, cũng như các tài liệu chứng cứ cung cấp cho tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th trình bày:

Vào năm 2008 bà có mua một phần đất nền nhà ngang khoảng 5m, dài 31m tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre của ông Nguyễn Văn L với số tiền 150.000.000 đồng hai bên có làm giấy tay. Sau khi mua đất bà xây dựng nhà ở mái tol, vách tường, nền gạch với chi phí khoảng 170.000.000 đồng. Do chuyển đổi nghề nghiệp và vợ chồng em bà là Phạm Văn N và Đặng Hồng C không có nhà để ở nên bà cho vào ở nhưng thỏa thuận khi nào cần thiết bà sẽ lấy lại. Năm 2011 bà nhờ Phạm Văn N giúp bà làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho bà nhưng N tự ý lập thủ tục kê khai cho N và C đứng tên quyền sử dụng. Sau khi biết được bà yêu cầu địa phương hòa giải nhưng không thành. Nay, yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00203 cấp cho Phạm Văn N và Đặng Hồng C ngày 27/8/2010 đồng thời buộc Phạm Văn N và Đặng Hồng C giao trả lại cho bà đất và tài sản trên đất thuộc thửa 3368 tờ bản đồ 3 (theo đo đạc thức tế có diện tích 135m^2 thuộc thửa 136, tờ bản đồ 35 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Bà đồng ý hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng cho Phạm Văn N và Đặng Hồng C và cho thời hạn lưu cư 01 tháng.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 21/3/2019 cũng như các tài liệu chứng cứ cung cấp cho tòa án đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, ông Phạm Văn Nung trình bày:

Năm 2010 ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị D cùng địa chỉ ấp T, xã M lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn N cùng vợ bà Đặng Hồng C cùng địa chỉ ấp T, xã M thửa đất số 3368, diện tích 84m^2, tờ bản đồ 3. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực ngày 30/7/2010. Sau khi xem xét yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N và bà C nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 49 Luật đất đai năm 2003. Xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn N cùng vợ bà Đặng Hồng C đối với diện tích 84m^2 thuộc thửa 3368, tờ bản đồ 3 xã M là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Do nguyên đơn đã rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập nên thay đổi địa vị tố tụng của đương sự.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Th. Buộc Phạm Văn N và Đặng Hồng C giao trả lại cho bà Phạm Thị Th phần đất và tài sản trên đất thuộc thửa 3368 tờ bản đồ 3, theo đo đạc thực tế có diện tích 135m^2 thuộc thửa 136A, tờ bản đồ 35 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Phạm Văn N và chị Đặng Hồng C số tiền 100.000.000 đồng phần căn nhà sửa chữa và chi phí di dời.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận, nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập của các đương sự. Do nguyên đơn đã rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với vụ án Hôn nhân gia đình về việc " *Ly hôn, chia tài sản chung sau khi ly hôn*". Do đó, đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn Đặng Hồng C với bị đơn Phạm Văn N. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu độc

lập buộc Phạm Văn N và Đặng Hồng C giao trả lại cho bà đất và tài sản trên đất thuộc thửa 3368 tờ bản đồ 3, theo đo đạc thức tế có diện tích 135m^2 thuộc thửa 136A, tờ bản đồ 35 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên thay đổi địa vị tố tụng bà Phạm Thị Th là nguyên đơn, Phạm Văn N và Đặng Hồng C là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Phạm Văn N và Đặng Hồng C có nơi cư trú tại xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý yêu cầu độc lập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho chị C, anh Nt đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng chị C, anh N vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh N và đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N và đại diện Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Phạm Văn N và Đặng Hồng C giao trả lại cho bà đất và tài sản trên đất thuộc thửa 3368 tờ bản đồ 3, theo đo đạc thực tế có diện tích 135m^2 thuộc thửa 136A, tờ bản đồ 35 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất số BC 260362 cấp cho Phạm Văn N và Đặng Hồng C.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản thể hiện:

Nhà chính: Nhà ở một tầng, móng, cột bê tông cốt thép, tường bao che, ngăn phòng xây gạch dày 100mm, hoàn thiện sơn nước, mái lợp tole Froximang, nền lát gạch ceramic, diện tích 61m^2, trị giá 86.376.000 đồng.

Nhà sau: một tầng, móng cột pe6tong cốt thép, tường bao che, mái tole xi măng, nền lát gạch ceramic, diện tích 39.2m^2, trị giá 52.479.000đồng.

Mái che tráng kẻm, diện tích 20,0m^2, trị giá 3.120.000đồng.

Sân lát gạch, diện tích 21,6m^2 giá trị 1.814.000 đồng.

Đất thửa 3368 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có giá là 3.500.000 đồng/m^2.

Nhà sau, mái che, sân lát gạch do anh N, chị C xây dựng có giá trị 57.713.000 đồng..

- Tại đơn mua bán đất nền nhà ngày 01/8/2008 được ký kết giữa bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn L thể hiện: Nội dung ông L có bán cho bà Th một nền nhà có chiều dài 31m, ngang 5m với giá 150.000.000 đồng. Thỏa thuận khi nào chuyển quyền sử dụng thì chi phí do bà Th chịu toàn bộ. Tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỏ Cày Nam anh Phạm Văn N cũng thừa nhận phần đất này của bà Th đã xây nhà và cho vợ chồng anh ở nhờ. Sau đó chị Th có nhờ anh đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho chị Th nhưng anh âm thầm chuyển quyền cho anh và vợ đứng tên, nay anh đồng ý trả lại đất và nhà cho chị Th. Chị C cho rằng phần đất này chị Th mua của ông hai L nhưng chưa chuyển quyền sử dụng và cho vợ chồng chị ở và vợ chồng chị làm hồ sơ chuyển quyền từ ông L sang tên vợ chồng chị không có ai tranh chấp nay chị Th yêu cầu trả lại chị không đồng ý. Ngoài lời trình bày này chị C không có bất kỳ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh phần đất và nhà trên chị được bà Th tặng cho vợ chồng chị. Ông Nguyễn Văn L cũng xác định phần đất này ông bán cho bà Th và bà Th cất nhà vào năm 2010 và để C, N ở trong căn nhà này, C và N có liên hệ ông chuyển quyền sử dụng thì ông đến Ủy ban nhân dân xã ký tên còn bà Th có cho C và N hay không thì ông không biết.

Bà Phạm Thị Th cho rằng từ khi cho vợ chồng C và N vào ở căn nhà trên phần đất của bà thì có xây dựng, sửa chữa thêm căn nhà. Nay yêu cầu trả lại nhà và đất bà đồng ý hỗ trợ 100.000.000 đồng để hoàn trả chi phí xây dựng cho vợ chồng C, N di dời.

Từ những cơ sở trên có đủ cơ sở xác định phần đất và căn nhà thuộc thửa 3368 tờ bản đồ 3 (Theo đo đạc có diện tích 135m^2 thuộc thửa 136A, tờ bản đồ 35) tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là của bà Phạm Thị Th cho vợ chồng Phạm Văn N và Đặng Hồng C ở nhờ và nay bà yêu cầu trả lại là có cơ sở. Bà Phạm Thị Th tự nguyện hỗ trợ chi phí sửa chữa và di dời với số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng C, N là phù hợp.

[3] Về án phí và chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản:

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, đo đạc và định giá tài sản là 720.000 đồng, chi phí trích đo hiện trạng sử dụng đất là 337.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 256 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 202, 203 Luật đất đai 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn chị Đặng Hồng C với bị đơn anh Phạm Văn N.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Th đối với anh Phạm Văn N và chị Đặng Hồng C.

Buộc anh Phạm Văn N và chị Đặng Hồng C trả lại cho bà Phạm Thị Th căn nhà và phần đất có diện tích 135m^2 thuộc thửa 136A, tờ bản đồ 35 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

(Phần đất được thể hiện trong hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 17/4/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Mỏ Cày Nam thực hiện đo vẽ kèm theo).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phạm Văn N và bà Đặng Hồng C theo giấy chứng nhận số CH00203 ngày 27/8/2010.

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

Bà Phạm Thị Th hoàn trả cho anh Phạm Văn N và chị Đặng Hồng C số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng chi phí sửa chữa căn nhà và di dời.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Phạm Văn N và chị Đặng Hồng C có nghĩa vụ chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Th số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng theo biên lai thu số 0018818 ngày 30 tháng 7 năm 2018 và số tiền 4.462.500 (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0021828 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, đo đạc và định giá tài sản là 720.000 (Bảy trăm hai mươi nghìn) đồng chị Đặng Hồng C có nghĩa vụ chịu và đã nộp xong. Chi phí hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất là 337.000 (Ba trăm ba mươi bảy nghìn)đồng bà Phạm Thị Th có nghĩa vụ chịu và đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí